

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Bạch Thông)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 3 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/I	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.400.000.000	586.000.000	2.199.335.000	92%	
I	Thu nội địa	2.400.000.000	586.000.000	2.199.335.000	92%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	102.542.587.799	22.722.005.000	24.376.360.000	24%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.223.000.000	544.980.000	2.199.335.000	99%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	2.223.000.000	544.980.000	2.199.335.000	99%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	85.727.025.000	22.177.025.000	22.177.025.000	26%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	63.786.000.000	15.946.500.000	15.946.500.000	25%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	21.941.025.000	6.230.525.000	6.230.525.000	28%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	14.592.562.799		0		
C	TỔNG CHI NSDP	109.848.587.799	25.377.558.418	47.554.583.418	43%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	74.562.000.000	18.952.249.456	34.898.749.456	47%	
1	Chi đầu tư phát triển	2.344.000.000	181.000.000	181.000.000	8%	
2	Chi thường xuyên	68.918.000.000	18.771.249.456	34.717.749.456	50%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	3.300.000.000				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 3 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	$4=3/I$	<i>5</i>
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh cho NSDP	22.349.025.000	4.145.000.880	10.375.525.880	46%	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	12.937.562.799	2.280.308.082	2.280.308.082	18%	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Bạch Thông)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý II so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/I	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.400.000.000	586.000.000	2.199.335.000	92%	
I	Thu nội địa	2.400.000.000	586.000.000	2.199.335.000	92%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	910.000.000	210.000.000	723.700.000	80%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	215.000.000	51.000.000	91.500.000	43%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Lệ phí trước bạ	600.000.000	150.000.000	555.500.000		
	- Từ đất	60.000.000	15.000.000	30.000.000	50%	
7	Các loại phí, lệ phí	87.000.000	21.000.000	51.000.000	59%	
8	Các khoản thu về nhà, đất	463.000.000	124.000.000	586.635.000	127%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	0	7.824.000	156%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.000.000	4.000.000	3.883.000	49%	
-	Thu tiền sử dụng đất	450.000.000	120.000.000	574.928.000	128%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý II so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
14	Thu khác ngân sách	125.000.000	30.000.000	191.000.000	153%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2.223.000.000	544.980.000	2.199.335.000	99%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP					
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.223.000.000	544.980.000	2.199.335.000	99%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Bạch Thông)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý II so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/I	5
	TỔNG CHI NSDP	109.848.587.799	25.377.558.418	47.554.583.418	43%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	79.892.000.000	18.952.249.456	34.898.749.456	44%	
I	Chi đầu tư phát triển	2.344.000.000	181.000.000	181.000.000	8%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	2.344.000.000	181.000.000	181.000.000	8%	
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	68.918.000.000	18.771.249.456	34.717.749.456	50%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	31.901.100.000	7.975.275.000	15.950.550.000		
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	352.000.000				
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.300.000.000				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế	2.000.000.000				
IX	Các nhiệm vụ chi khác	3.330.000.000				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	29.956.587.799	6.425.308.962	12.655.833.962	42%	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	1.727.000.000	834.533.418	834.533.418	48%	
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	22.349.025.000	4.145.000.880	10.375.525.880	46%	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	5.880.562.799	1.445.774.664	1.445.774.664	25%	